Họ tên:

1. **Cho biết sự khác nhau giữa “==” và “===” trong Javascript?**

"==" chỉ kiểm tra giá trị có bằng nhau hay không.

"===" vừa kiểm tra giá trị và kiểm tra cả kiểu dữ liệu.

**Cho biết sự khác nhau giữa “undefined” và “null” trong javascript?**

Giá trị undefined là khi chúng ta khai báo biến nhưng chưa gán giá trị cho nó. Còn null nó để thể hiện là nó không có giá trị hoặc một giá trị chưa biết "no value". Và nó gán cho biến để thể hiện điều đó.

Ngoài ra, undefined và null là 2 kiểu dữ liệu riêng biệt: undefined là kiểu dữ liệu chính nó (type itself) trong khi đó null là một object.

1. **Cho biết kết quả của những phép so sánh sau trong javascript:**

|  |  |
| --- | --- |
| null == null; | true |
| null === null; | true |
| null == undefined; | true |
| null === undefined; | false |
| '' == '0'; | false |
| 0 == '' ; | true |
| 0 == '0'; | true |
| -0 === +0; | true |
| false == 'false'; | false |
| false == '0'; | true |
| false == undefined; | false |
| NaN == Nan; | Nan is undefined |

1. **Cho biết kết quả của những phương thức sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| ~~3.14 + ~3.14 | 3+-4 = -1 |
| parseInt(“0xA”) | 10 |
| parseFloat(“1234interview”) | 123 |
| 1+ Boolean(null) + function(){}; | "1function (){}" |
| !!/foo/ + !!undefined | 1 |
| !!function(){} | true |
| Boolean(“true”) === true | true |
| new Boolean(“true”) === true | false |
| true && “tma” && “” && 4 && “tma” && true; | “” |
| false || 0 || “” || 4 || “tma” || true | 4 |
| var iNumber = 5;  iNumber.test = “test”; | |
| console.log(iNumber.test) | undefined |
| var Company = function(){};  Company.prototype.type = “software outsourcing”;  var tma = new Company(); | |
| console.log(tma.type);  delete tma.type;  console.log(tma.type); | "software outsourcing"  true  "software outsourcing" |
| var myArray1 = [];  myArray1.length = 3;  var myArray2 = [1,2,3,4,5,6,7,8,9]  myArray2.length = 1; | |
| console.log(myArray1); console.log(myArray2); | [undefined × 3], [1] |
| var team = 'Axs Modeling'; | |
| console.log(team [0]); console.log(team['length']); | “A”, 12 |

1. **Hãy nêu ý nghĩa của các CSS selector sau:**

**Đáp án:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CSS Selectors** |  |
| \* | All elements |
| div | <div> |
| div span | <span> within <div> |
| div, span | <div> and <span> |
| div + span | <span> preceded by <div> |
| div > span | <span> with parent <div> |
| div.class | <div> of class “class” |
| a[attr] | <a> with attribute “attr” |

1. **Hãy nêu ý nghĩa của các html tag và element sau**

**Đáp án:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HTML tag, element** |  |
| <!DOCTYPE> | Vesion of HTML |
| <html> | HTML document |
| <head> | Page Information |
| <body> | Page Contents |
| <base/> | Base Url |
| <style> | Style resource |
| <script> | Script resource |
| <div> | Page section |
| <span> | Inline section |
| <ul> | Unordered list |
| <ol> | Ordered list |

1. **Viết một đọan code nhỏ minh họa cách xử lý 1 event bất kỳ (onclick, onload...) trong Javascript.**

**Đáp án**:

<!DOCTYPE HTML>

<html lang="en-US">

<head></head>

<body onload="loadData()">

<button onclick="displayDate()">Action</button>

<p id="result"></p>

<script>

function loadData() {

alert("Page is loaded!");

}

function displayDate() {

document.getElementById("result").innerHTML = Date();

}

</script>

</body>

</html>

1. **Strict mode trong javascript là gì?**

**Đáp án :**

‘Strict mode’ Javascript syntax hỗ trợ chế độ sửa lỗi rất hữu dụng, giúp lập trình viên viết code bảo mật cao và chặt chẽ hơn tránh việc viết code sai, lỗi và thiếu an toàn.

1. **JQuery?**
   1. What is selector ?
   2. Selector to query all elements with an ID = ‘txtMyTextBox’
   3. Selector to query only <div> element has ID = ‘txtMyTextBox’
   4. Phân biệt 2 dòng code bên dưới. Cho biết sự khác nhau về mặt performance.

document.getElementById(‘logo’) ;

$(‘#logo’);

**Đáp án:**

A: Selector để cho phép bạn nhanh chóng và dễ dàng truy cập nhiều phần tử hoặc nhóm các phần tử trong DOM (Document Object Model).

B: $(‘#txtMyTextBox’)

C: $(‘div#txtMyTextBox’)

D: document.getElementById(‘logo’) nhanh hơn, bởi vì nó sử dụng mã nguồn gốc

1. Viết thêm code vào đoạn HTML sau để khi click vào thẻ <li> sẽ hiện thông báo cho biết nội dung của thẻ vừa được click.

<ul id="parent-list">

<li id="post-1" >Item 1</li>

<li id="post-2" >Item 2</li>

<li id="post-3" >Item 3</li>

<li id="post-4" >Item 4</li>

</ul>

**Đáp án** :

<ul id="parent-list">

<li id="post-1" onClick=”alert(this.innerHTML)” >Item 1</li>

<li id="post-2" onClick=”alert(this.innerHTML)” >Item 2</li>

<li id="post-3" onClick=”alert(this.innerHTML)” >Item 3</li>

<li id="post-4" onClick=”alert(this.innerHTML)” >Item 4</li>

</ul>

1. Bạn có sử dụng javascript framework (AngularJS, Polymer, Jquery, Dojo, Prototype…) nào không ?

Nếu có hãy mô tả những chức năng của framework đó và lý do bạn sử dụng?

**Đáp án**:

Tôi đã sử dụng AngularJS Framework bởi vì nó có những tính năng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Declarative HTML approach | Data Binding | $scope |
| MVC/MVVM Design Pattern | Dependency Injection | $http |
| Two way Data Binding | Filters | Form Validation |
| Expressions | Directives | Services |
| Modules | Templating | Routing |
| Reusable Components | Testing / Unit Testing | $routeProvider |

1. CSS là gì? Tại sao phải cần CSS?.

**Đáp án :**

Cascading Style Sheets (CSS) – được dùng để miêu tả cách trình bày các tài liệu viết bằng ngôn ngữ HTML

1. **Bạn làm thế nào để thiết kế website chạy được trên các trình duyệt khác nhau, các độ phân giải khác nhau?**

**Đáp án:**

Sử dụng @media trong CSS3 theo từng độ phân giải tương ứng với từng thiết bị

Hoạc kết hợp sử dụng CSS Framework như là BootStrap

1. **Bạn làm thế nào để website của bạn hỗ trợ nhiều ngôn ngữ?**

**Đáp án:**

Sử dụng 18next Javascript library để hỗ trợ website đa ngôn ngữ.

1. **Nếu bạn có một vấn đề với trang web của bạn, làm thế nào để bạn gỡ lỗi nó, những công cụ gì để bạn sử dụng?**

**Đáp án:**

Đọc lỗi, xem xét vấn đề, cô lập phạm vi lỗi, sử dụng Developer mode của trình duyệt để debug và giải quyết vấn đề.

1. **Hãy làm cho hàm sau thực hiện được**
2. duplicate([1,2,3,4,5]); //=> [1,2,3,4,5,1,2,3,4,5]
3. [1,2,3,4,5].duplicator();//=> [1,2,3,4,5,1,2,3,4,5]

**Đáp án:**

**a:duplicate([1,2,3,4,5]);**

function duplicate(obj){

return obj.concat(obj)

}

**b: [1,2,3,4,5].duplicator();**

Array.prototype.duplicator = function(){

return this.concat(this);

}